

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh;

2. Bà Trương Thị Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 2592/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 108/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Ngọc D, sinh năm 1975; cư trú tại: phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: Phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1967; cư trú tại: phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2020, bản tự khai đề ngày 29/01/2021, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông Huỳnh Ngọc Th kết hôn năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tr, tỉnh A, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp,

bất đồng quan điểm, hay cãi vã và không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà D xin ly hôn với Huỳnh Ngọc Th.

- Về con chung: Bà D khai có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Th, sinh ngày 07/9/1995 và Huỳnh Bảo H, sinh ngày 08/05/2002. Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Th:** Ông Th mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai thể hiện trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với Ông Th. Các con chung hiện nay đã thành niên nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tố tụng:

- Về tư cách tố tụng:

Bà Đặng Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc ly hôn với ông Huỳnh Ngọc Th. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà D là nguyên đơn, Ông Th là bị đơn.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Th hiện cư trú tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Về thủ tục tố tụng khác:* Bà Đặng Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Huỳnh Ngọc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D, ông Th kết hôn năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tr, tỉnh A, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà D xin ly hôn, Tòa án căn cứ luật hôn nhân gia đình năm 1986 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy: Bà D khai sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2019, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 02 năm 2021, Ủy ban nhân dân phường An Bình xác định vợ chồng Ông Th, bà D có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do Ông Th thường xuyên uống rượu, ăn nhậu. Từ khi bà D gửi đơn xin ly hôn cũng như trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho Ông Th nhưng Ông Th vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án nên được coi là bỏ mặc, không còn quan tâm đến việc giữ gìn và bảo vệ mối quan hệ vợ chồng. Như vậy, hôn nhân của bà D và Ông Th đã rạn nứt không thể hàn gắn được. Ông Th bỏ mặc nên việc đoàn tụ, tiếp tục xây dựng hạnh phúc là khó thực hiện được. Do đó, bà D xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà D xác định có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Th, sinh ngày 07/9/1995 và Huỳnh Bảo H, sinh ngày 08/05/2002. Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu xem xét. Do đó, không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà D khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn Bà Đặng Thị Ngọc D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Áp dụng Điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc D.

Bà Đặng Thị Ngọc D được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc Th.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Th, sinh ngày 07/9/1995 và Huỳnh Bảo H, sinh ngày 08/05/2002. Hiện nay, các cháu đều đã thành niên nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà D khai vợ chồng tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà D khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đặng Thị Ngọc D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007569 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Bà D đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Bà D, Ông Th được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Nguyệt